

BỘ NỘI VỤ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 122/QĐ-BNV

Hà Nội, ngày 10 tháng 02 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Điều lệ (sửa đổi, bổ sung) Hội Kế hoạch hoá gia đình Việt Nam

BỘ TRƯỞNG BỘ NỘI VỤ

Căn cứ Luật quy định quyền lập hội ngày 20 tháng 5 năm 1957;

Căn cứ Nghị định số 34/2017/NĐ-CP ngày 03 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nội vụ;

Căn cứ Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội; Nghị định số 33/2012/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2010/NĐ-CP;

Theo đề nghị của Chủ tịch Hội Kế hoạch hoá gia đình Việt Nam và Vụ trưởng Vụ Tổ chức phi chính phủ.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kèm theo Quyết định này Điều lệ (sửa đổi, bổ sung) Hội Kế hoạch hoá gia đình Việt Nam đã được Đại hội lần thứ VI (nhiệm kỳ 2020 - 2025) của Hội thông qua ngày 07 tháng 7 năm 2020.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chủ tịch Hội Kế hoạch hoá gia đình Việt Nam, Vụ trưởng Vụ Tổ chức phi chính phủ và Chánh Văn phòng Bộ Nội vụ chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Thứ trưởng Trần Anh Tuấn;
- Bộ Y tế;
- Lưu: VT, TCPCP, PTG, NTQN.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG



Trần Anh Tuấn



ĐIỀU LỆ (SỬA ĐỔI, BỔ SUNG)

HỘI KẾ HOẠCH HOÁ GIA ĐÌNH VIỆT NAM

*(Phê duyệt kèm theo Quyết định số 122/QĐ - BNV
ngày 10 tháng 02 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ)*

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Tên gọi, biểu tượng

1. Tên gọi:

a) Tên tiếng Việt: Hội Kế hoạch hoá gia đình Việt Nam;

b) Tên tiếng Anh: Viet Nam Family Planning Association (viết tắt là VINAFFPA).

2. Biểu tượng: Hội Kế hoạch hóa gia đình Việt Nam có biểu tượng riêng được đăng ký bản quyền theo quy định của pháp luật.

Điều 2. Tôn chỉ, mục đích

1. Hội Kế hoạch hoá gia đình Việt Nam (sau đây gọi tắt là Hội) là tổ chức xã hội - nghề nghiệp của công dân, tổ chức Việt Nam hoạt động trong lĩnh vực chuyên ngành về dân số, sức khỏe sinh sản, sức khỏe tình dục, kế hoạch hoá gia đình, tự nguyện thành lập.

2. Mục đích của Hội là tập hợp công dân, tổ chức Việt Nam có tâm huyết, tình nguyện tham gia với mục tiêu là phi lợi nhuận, đồng thời bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của hội viên, hỗ trợ nhau hoạt động có hiệu quả, góp phần thực hiện các chương trình, chiến lược Quốc gia về dân số, sức khỏe sinh sản, kế hoạch hoá gia đình, vì hạnh phúc người dân.

Điều 3. Địa vị pháp lý, trụ sở

1. Hội có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản riêng tại ngân hàng; hoạt động theo quy định pháp luật Việt Nam và Điều lệ Hội được Bộ trưởng Bộ Nội vụ phê duyệt.

2. Trụ sở chính của Hội: số 02 Lê Đức Thọ, phường Mai Dịch, quận Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam; Điện thoại: +84-24-37648091; Email: vinaffa@hn.vnn.vn. Hội có thể lập thêm văn phòng đại diện tại các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Phạm vi, lĩnh vực hoạt động

1. Hội Kế hoạch hóa gia đình Việt Nam hoạt động trên phạm vi cả nước, trong lĩnh vực chuyên ngành về dân số, sức khỏe sinh sản, sức khỏe tình dục, kế hoạch hoá gia đình.

2. Hội chịu sự quản lý nhà nước của Bộ Nội vụ, sự quản lý các Bộ, ngành có liên quan đến lĩnh vực Hội hoạt động theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Nguyên tắc tổ chức, hoạt động

1. Tự nguyện, tự quản; dân chủ, bình đẳng, công khai, minh bạch; tự bảo đảm kinh phí hoạt động; không vì mục đích lợi nhuận; tuân thủ Hiến pháp, pháp luật và Điều lệ Hội.

2. Hội có thể tham gia làm thành viên của Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, thành viên của Hiệp hội Kế hoạch hóa gia đình Quốc tế (International Planned Parenthood Federation, viết tắt là IPPF), thành viên các tổ chức xã hội - nghề nghiệp khác có liên quan đến tôn chỉ, mục đích và lĩnh vực hoạt động của Hội theo quy định của pháp luật và Điều lệ của các tổ chức này.

Chương II NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN HẠN

Điều 6. Nhiệm vụ

1. Chấp hành các quy định của pháp luật có liên quan đến tổ chức, hoạt động của Hội. Tổ chức, hoạt động theo Điều lệ Hội đã được phê duyệt. Không lợi dụng hoạt động của Hội để làm phương hại đến an ninh quốc gia, trật tự xã hội, đạo đức, thuần phong mỹ tục, truyền thống của dân tộc, quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức.

2. Tập hợp, đoàn kết hội viên; tổ chức, phối hợp hoạt động giữa các hội viên vì lợi ích chung của Hội; thực hiện đúng tôn chỉ, mục đích của Hội nhằm tham gia phát triển lĩnh vực liên quan đến hoạt động của Hội, góp phần xây dựng và phát triển đất nước.

3. Giúp đỡ hội viên nâng cao hiểu biết thông qua việc tuyên truyền, phổ biến kiến thức và cung cấp tư vấn, dịch vụ về dân số, sức khỏe sinh sản, kế hoạch hoá gia đình; mở rộng việc tuyên truyền đến cộng đồng, kể cả vị thành niên và thanh niên, đặc biệt với người nghèo và ở vùng sâu, vùng xa. Vận động thuyết phục để giúp đỡ họ chuyển đổi hành vi biết tự chăm sóc sức khỏe sinh sản, thực hiện kế hoạch hoá gia đình và thực hiện đầy đủ trách nhiệm làm cha làm mẹ để góp phần tích cực thực hiện chương trình chiến lược dân số, sức khỏe sinh sản quốc gia.

4. Bồi dưỡng nâng cao kiến thức và kỹ năng thông tin tư vấn, giáo dục và truyền thông chuyển đổi hành vi về dân số, sức khỏe sinh sản, kế hoạch hoá gia đình cho hội viên để hoạt động hiệu quả hơn trong cộng đồng.

5. Phối hợp, hợp tác với các bộ, ban, ngành, đoàn thể hữu quan trong nước để đẩy mạnh việc thực hiện chương trình dân số, sức khoẻ sinh sản, kế hoạch hoá gia đình. Đồng thời hợp tác với các Hội Kế hoạch hoá gia đình các nước và các tổ chức quốc tế quan tâm đến lĩnh vực dân số, sức khoẻ sinh sản, kế hoạch hoá gia đình theo quy định của pháp luật, để tranh thủ việc hỗ trợ nguồn lực, kỹ thuật và trao đổi kinh nghiệm, phát huy ảnh hưởng của Hội nhằm phục vụ Chương trình quốc gia về dân số và sức khoẻ sinh sản hiệu quả hơn.

6. Đại diện hội viên tham gia, kiến nghị với các cơ quan có thẩm quyền về các chủ trương, chính sách liên quan đến lĩnh vực hoạt động của Hội theo quy định của pháp luật.

7. Hòa giải tranh chấp, giải quyết phản ánh, kiến nghị, khiếu nại, tố cáo trong nội bộ Hội theo quy định của pháp luật.

8. Xây dựng và ban hành quy tắc đạo đức trong hoạt động của Hội.

9. Quản lý và sử dụng các nguồn kinh phí của Hội theo đúng quy định của pháp luật.

10. Thực hiện các nhiệm vụ khác khi cơ quan có thẩm quyền yêu cầu.

Điều 7. Quyền hạn

1. Tuyên truyền tôn chỉ, mục đích hoạt động của Hội.

2. Đại diện cho hội viên trong mối quan hệ đối nội, đối ngoại có liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của Hội.

3. Bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của hội viên phù hợp với tôn chỉ, mục đích của Hội theo quy định của pháp luật.

4. Tham gia chương trình, dự án, đề tài nghiên cứu, tư vấn, phản biện và giám định xã hội theo đề nghị của cơ quan nhà nước; tổ chức dạy nghề, truyền nghề theo quy định của pháp luật.

5. Thay mặt hội viên tham gia ý kiến vào các văn bản pháp luật liên quan đến quyền, nghĩa vụ, lợi ích chính đáng, hợp pháp của hội viên và lĩnh vực hoạt động của Hội.

6. Phối hợp với các tổ chức hữu quan trong nước để thực hiện nhiệm vụ của Hội.

7. Thành lập, giải thể các đơn vị trực thuộc Hội theo nhu cầu của từng giai đoạn để thực hiện các nhiệm vụ của Hội theo quy định của pháp luật. Phát triển các cơ sở cung cấp tư vấn dịch vụ dân số, sức khoẻ sinh sản, kế hoạch hoá gia đình với chất lượng chăm sóc cao theo quy định của pháp luật.

8. Được gây quỹ Hội trên cơ sở hội phí của hội viên và các nguồn thu từ hoạt động kinh doanh, dịch vụ theo quy định của pháp luật để tự trang trải về kinh phí hoạt động.

9. Được nhận các nguồn tài trợ hợp pháp của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật. Được Nhà nước hỗ trợ kinh phí đối với những hoạt động gắn với nhiệm vụ của Nhà nước giao (nếu có).

10. Được gia nhập các tổ chức quốc tế tương ứng và ký kết, thực hiện thỏa thuận quốc tế theo quy định của pháp luật sau khi có ý kiến thống nhất của cơ quan quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực Hội hoạt động, cơ quan quyết định cho phép thành lập Hội về việc gia nhập tổ chức quốc tế tương ứng, ký kết, thực hiện thỏa thuận quốc tế và phù hợp với thông lệ quốc tế.

Chương III HỘI VIÊN

Điều 8. Hội viên, tiêu chuẩn hội viên

1. Hội viên của Hội gồm hội viên chính thức và hội viên danh dự:

a) Hội viên chính thức: công dân, tổ chức Việt Nam có đủ tiêu chuẩn quy định tại khoản 2 Điều này, tán thành Điều lệ Hội, tự nguyện gia nhập Hội, có thể trở thành hội viên chính thức của Hội;

b) Hội viên danh dự: công dân Việt Nam có uy tín trong xã hội, có những đóng góp lớn cho Hội, được Hội mời là hội viên danh dự.

2. Tiêu chuẩn hội viên chính thức:

a) Hội viên tổ chức: Hội Kế hoạch hóa gia đình tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (hội thành viên), các tổ chức Việt Nam khác được thành lập theo quy định pháp luật hoạt động liên quan đến lĩnh vực chuyên ngành về dân số, sức khỏe sinh sản, sức khỏe tình dục, kế hoạch hoá gia đình khi đủ điều kiện được công nhận là hội viên tổ chức. Đại diện cho Hội viên tổ chức tham gia Hội phải là công dân Việt Nam;

b) Hội viên cá nhân: công dân Việt Nam từ đủ 18 tuổi trở lên, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, hoạt động trong lĩnh vực chuyên ngành về dân số, sức khỏe sinh sản, sức khỏe tình dục, kế hoạch hoá gia đình hoặc quan tâm đến lĩnh vực này.

3. Hội viên của các Hội thành viên đương nhiên là hội viên của Hội.

Điều 9. Nghĩa vụ của hội viên

1. Nghiêm chỉnh chấp hành chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; chấp hành Điều lệ, quy định của Hội.

2. Tham gia các hoạt động và sinh hoạt của Hội theo nghị quyết đã được Đại hội hoặc Ban Chấp hành Hội ban hành; đoàn kết, hợp tác với các hội viên khác để xây dựng Hội phát triển vững mạnh.

3. Bảo vệ uy tín của Hội, không được nhân danh Hội trong các quan hệ giao dịch không xuất phát từ lợi ích Hội, trừ trường hợp được Ban Thường vụ Hội phân công.

4. Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo theo quy định của Hội.

5. Đóng hội phí đầy đủ và đúng hạn theo quy định của Hội.

6. Phổ biến, tuyên truyền tôn chỉ mục đích của Hội trong Nhân dân, phát triển hội viên và vận động Nhân dân thực hiện chương trình dân số, sức khoẻ sinh sản, kế hoạch hoá gia đình góp phần nâng cao chất lượng dân số.

7. Gương mẫu thực hiện nghĩa vụ công dân trong chương trình dân số, sức khoẻ sinh sản, kế hoạch hoá gia đình quốc gia. Giữ gìn tình đoàn kết, tạo dựng sự đồng thuận vì mục tiêu chung của đơn vị mình đang tham gia hoạt động. Không tham ô, lãng phí, không được lợi dụng danh nghĩa Hội để mang lại lợi ích riêng tư cho cá nhân mình.

Điều 10. Quyền của hội viên

1. Được Hội bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp theo quy định của pháp luật.

2. Được thông tin về tình hình các chương trình hoạt động cũng như tài chính của Hội. Được đào tạo và bồi dưỡng kiến thức theo những hình thức thích hợp về dân số, sức khoẻ sinh sản, kế hoạch hoá gia đình và kỹ năng vận động thuyết phục quần chúng.

3. Được tham gia thảo luận, quyết định các chủ trương công tác của Hội theo quy định của Hội; được kiến nghị, đề xuất ý kiến với cơ quan có thẩm quyền về những vấn đề có liên quan đến lĩnh vực hoạt động của Hội. Được đề xuất, biểu quyết và giám sát hoạt động của Hội.

4. Hội viên chính thức được dự Đại hội, ứng cử, đề cử, bầu cử các cơ quan, các chức danh lãnh đạo và Ban Kiểm tra Hội theo quy định của Hội, trừ 03 đối tượng sau:

a) Hội viên là người làm việc tại Hội được ký hợp đồng lao động theo quy định của pháp luật;

b) Hội viên không đóng hội phí theo quy định của Hội;

c) Hội viên làm công việc liên quan đến cung cấp hàng hoá, dịch vụ, tài chính của Hội.

5. Được Hội khen thưởng nếu tham gia tích cực và hiệu quả vào các hoạt động của Hội.

6. Được giới thiệu hội viên mới.

7. Được cấp thẻ hội viên.

8. Được ra khỏi Hội khi xét thấy không thể tiếp tục là hội viên.

9. Được tham gia sinh hoạt trong các tổ chức của Hội. Hồ sơ các cá nhân hội viên được lưu giữ và cập nhật hàng năm tại các cơ sở Hội.

10. Hội viên danh dự, được hưởng quyền và nghĩa vụ như hội viên chính thức, trừ quyền biểu quyết các vấn đề của Hội và quyền ứng cử, đề cử, bầu cử Ban Lãnh đạo, Ban Kiểm tra Hội.

Điều 11. Thủ tục, thẩm quyền kết nạp hội viên; thủ tục ra khỏi Hội

1. Thủ tục, thẩm quyền kết nạp hội viên:

Công dân, tổ chức Việt Nam quy định tại Điều 8 Điều lệ này, có nguyện vọng gia nhập Hội thì làm đơn gia nhập Hội theo mẫu do Hội quy định; kèm theo bản sao giấy phép thành lập, quyết định thành lập hoặc giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và 01 ảnh của người đại diện (đối với tổ chức) hoặc sơ yếu lý lịch tự khai, tự chịu trách nhiệm và 01 ảnh (đối với cá nhân) gửi tổ chức cơ sở hoặc Ban Thường vụ Hội thành viên xét, ra quyết định kết nạp hội viên và báo cáo tại kỳ họp gần nhất của Ban Chấp hành Hội.

2. Thủ tục ra khỏi Hội:

a) Hội viên thấy không thể tiếp tục là hội viên của Hội thì làm đơn gửi tổ chức cơ sở/Hội thành viên để xem xét, quyết định chấm dứt tư cách hội viên và báo cáo bằng văn bản đến Ban Chấp hành Hội theo quy định;

b) Hội viên hoạt động trái với quy định của pháp luật Việt Nam dẫn đến bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đóng hội phí đầy đủ, đúng hạn, bị tước quyền công dân theo quy định của pháp luật; tổ chức tự giải thể, bị đình chỉ hoạt động, bị giải thể hoặc bị tuyên bố phá sản theo quy định của pháp luật thì Ban Thường vụ Hội xem xét, xóa tên hội viên và thông báo đến Ban Chấp hành Hội, hội viên của Hội;

c) Hội viên là cá nhân đã chết thì đương nhiên không còn là hội viên của Hội.

3. Ban Chấp hành Hội quy định cụ thể trình tự, thủ tục, thẩm quyền kết nạp hội viên và cho hội viên ra khỏi Hội; quản lý việc cấp phát, sử dụng thẻ hội viên.

Chương IV TỔ CHỨC, HOẠT ĐỘNG

Điều 12. Cơ cấu tổ chức của Hội

1. Đại hội.
2. Ban Chấp hành.
3. Ban Thường vụ.
4. Ban Kiểm tra.
5. Văn phòng, các ban chuyên môn và các tổ chức thuộc Hội được thành lập theo quy định của pháp luật.
6. Chi hội (tổ chức cơ sở).

Điều 13. Đại hội

1. Cơ quan lãnh đạo cao nhất của Hội là Đại hội nhiệm kỳ hoặc Đại hội bất thường. Đại hội nhiệm kỳ được tổ chức 05 năm một lần. Đại hội bất thường được triệu tập khi ít nhất có 2/3 (hai phần ba) tổng số thành viên Ban Chấp hành hoặc có ít nhất 1/2 (một phần hai) tổng số hội viên chính thức đề nghị.

2. Đại hội nhiệm kỳ hoặc Đại hội bất thường được tổ chức dưới hình thức Đại hội đại biểu. Thông báo tổ chức Đại hội phải trước ít nhất 30 ngày; thư triệu tập Đại hội đại biểu toàn quốc phải ghi rõ chương trình nghị sự và gửi đến tất cả các đại biểu ít nhất 02 tuần trước ngày Đại hội. Đại hội đại biểu được tổ chức khi có trên 1/2 (một phần hai) số đại biểu chính thức có mặt. Số lượng, cơ cấu thành phần dự Đại hội đại biểu do Ban Chấp hành quyết định.

3. Nhiệm vụ của Đại hội:

a) Thảo luận và thông qua Báo cáo tổng kết nhiệm kỳ; phương hướng, nhiệm vụ nhiệm kỳ mới của Hội;

b) Thảo luận và thông qua Điều lệ (sửa đổi, bổ sung); đổi tên, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, giải thể Hội (nếu có);

c) Thảo luận, góp ý kiến vào Báo cáo kiểm điểm của Ban Chấp hành, Ban Kiểm tra; thảo luận, phê duyệt quyết toán tài chính nhiệm kỳ cũ và dự thảo kế hoạch tài chính nhiệm kỳ mới của Hội;

d) Bầu Ban Chấp hành và Ban Kiểm tra;

đ) Các nội dung khác (nếu có);

e) Thông qua nghị quyết Đại hội.

4. Nguyên tắc biểu quyết tại Đại hội:

a) Đại hội có thể biểu quyết bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín. Việc quy định hình thức biểu quyết do Đại hội quyết định;

b) Việc biểu quyết thông qua các quyết định của Đại hội phải được trên 1/2 (một phần hai) đại biểu chính thức có mặt tại Đại hội tán thành, trừ quy định tại Điều 25 Điều lệ này.

Điều 14. Ban Chấp hành Hội

1. Ban Chấp hành Hội do Đại hội bầu trong số các hội viên chính thức của Hội. Số lượng, cơ cấu, tiêu chuẩn ủy viên Ban Chấp hành do Đại hội quyết định từ danh sách đã được Ban Chấp hành đương nhiệm giới thiệu đề xuất sau khi tham khảo ý kiến của các tổ chức, hội viên thuộc Hội, từ danh sách do đại biểu chính thức dự Đại hội tham gia ứng cử, đề cử. Nhiệm kỳ của Ban Chấp hành cùng với nhiệm kỳ Đại hội.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Chấp hành:

- a) Tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội, Điều lệ Hội, lãnh đạo mọi hoạt động của Hội giữa hai kỳ Đại hội;
- b) Chuẩn bị và quyết định triệu tập Đại hội;
- c) Quyết định chương trình, kế hoạch công tác hàng năm của Hội; thông qua kế hoạch và quyết toán tài chính hàng năm của Hội;
- d) Giải quyết các vấn đề phát sinh giữa hai kỳ Đại hội; chuẩn bị nội dung, chương trình nghị sự và các tài liệu trình Đại hội (kể cả Đại hội bất thường) và Hội nghị hàng năm;
- đ) Quyết định cơ cấu tổ chức bộ máy của Hội. Ban hành Quy chế hoạt động của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ; Quy chế quản lý, sử dụng tài chính, tài sản của Hội; Quy chế quản lý, sử dụng con dấu của Hội; Quy chế khen thưởng, kỷ luật; quy chế tổ chức, hoạt động của Văn phòng Hội; các quy định trong nội bộ Hội phù hợp với quy định của Điều lệ Hội và quy định của pháp luật;
- e) Bầu, miễn nhiệm Chủ tịch, các Phó Chủ tịch, ủy viên Ban Thường vụ; bầu bổ sung ủy viên Ban Chấp hành, Ban Kiểm tra. Số ủy viên Ban Chấp hành bầu bổ sung không được quá 1/3 (một phần ba) so với số lượng ủy viên Ban Chấp hành đã được Đại hội quyết định;
- g) Căn cứ tình hình tài chính hàng năm của Hội, quyết định mức nộp hội phí hàng năm của hội viên.

3. Nguyên tắc hoạt động của Ban Chấp hành:

- a) Ban Chấp hành hoạt động theo Quy chế của Ban Chấp hành, tuân thủ quy định của pháp luật và Điều lệ Hội;
- b) Ban Chấp hành mỗi năm họp 01 lần, có thể họp bất thường khi có yêu cầu của Ban Thường vụ hoặc trên 1/2 (một phần hai) tổng số thành viên Ban Chấp hành đề nghị; các cuộc họp Ban Chấp hành sẽ được thông báo thời gian, địa điểm và chương trình nghị sự đến các thành viên Ban Chấp hành trước 10 ngày;
- c) Các cuộc họp của Ban Chấp hành là họp lệ khi có từ 2/3 (hai phần ba) tổng số thành viên Ban Chấp hành tham gia dự họp. Ban Chấp hành có thể biểu quyết bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín. Việc quy định hình thức biểu quyết do Ban Chấp hành quyết định;
- d) Các nghị quyết, quyết định của Ban Chấp hành được thông qua khi có trên 1/2 (một phần hai) tổng số thành viên Ban Chấp hành biểu quyết tán thành.

Điều 15. Ban Thường vụ Hội

1. Ban Thường vụ Hội do Ban Chấp hành bầu trong số các thành viên Ban Chấp hành; Ban Thường vụ Hội gồm: Chủ tịch, các Phó Chủ tịch và các ủy viên. Số lượng, cơ cấu, tiêu chuẩn thành viên Ban Thường vụ do Ban Chấp hành quyết định không quá 1/3 (một phần ba) số lượng Ban Chấp hành và

đảm bảo có ít nhất 50% là phụ nữ. Nhiệm kỳ của Ban Thường vụ cùng với nhiệm kỳ Đại hội.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Thường vụ:

a) Giúp Ban Chấp hành triển khai thực hiện nghị quyết Đại hội, Điều lệ Hội; tổ chức thực hiện nghị quyết, quyết định của Ban Chấp hành; lãnh đạo hoạt động của Hội giữa hai kỳ họp Ban Chấp hành;

b) Kiểm điểm và báo cáo Ban Chấp hành việc thực hiện các chính sách, kế hoạch và chương trình công tác, ngân sách đã đề ra;

c) Chuẩn bị nội dung và quyết định triệu tập họp Ban Chấp hành;

d) Quyết định thành lập, giải thể các tổ chức, đơn vị thuộc Hội theo nghị quyết của Ban Chấp hành; quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn cơ cấu tổ chức; quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm lãnh đạo các tổ chức, đơn vị thuộc Hội;

đ) Thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định của Điều lệ Hội.

3. Nguyên tắc hoạt động của Ban Thường vụ:

a) Ban Thường vụ hoạt động theo Quy chế do Ban Chấp hành ban hành, tuân thủ quy định của pháp luật và Điều lệ Hội;

b) Ban Thường vụ họp định kỳ 06 tháng một lần, có thể họp bất thường khi có yêu cầu của Chủ tịch Hội hoặc trên 1/2 (một phần hai) tổng số thành viên Ban Thường vụ; các cuộc họp Ban Thường vụ sẽ được thông báo thời gian, địa điểm và chương trình nghị sự đến các thành viên Ban Thường vụ trước 10 ngày;

c) Các cuộc họp của Ban Thường vụ là họp lệ khi có ít nhất 2/3 (hai phần ba) thành viên Ban Thường vụ tham gia dự họp. Ban Thường vụ có thể biểu quyết bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín. Việc quy định hình thức biểu quyết do Ban Thường vụ quyết định;

d) Các nghị quyết, quyết định của Ban Thường vụ được thông qua khi có trên 1/2 (một phần hai) tổng số thành viên Ban Thường vụ biểu quyết tán thành. Trong trường hợp số ý kiến tán thành và không tán thành ngang nhau thì quyết định thuộc về bên có ý kiến của Chủ tịch Hội.

Điều 16. Ban Kiểm tra Hội

1. Ban Kiểm tra Hội do Đại hội bầu, Ban Kiểm tra gồm Trưởng ban, Phó Trưởng Ban và từ 03 đến 05 ủy viên. Số lượng, cơ cấu, tiêu chuẩn ủy viên Ban Kiểm tra do Đại hội quyết định. Nhiệm kỳ của Ban Kiểm tra cùng với nhiệm kỳ Đại hội. Trưởng Ban Kiểm tra được dự các kỳ họp của Ban Chấp hành Hội. Kinh phí hoạt động của Ban Kiểm tra phục vụ cho hoạt động của Hội do Hội chi trả phù hợp với quy chế quản lý, sử dụng tài chính, tài sản của Hội.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Kiểm tra:

a) Bầu, miễn nhiệm Trưởng Ban, Phó Trưởng Ban Kiểm tra (nếu có);

b) Kiểm tra, giám sát việc thực hiện Điều lệ Hội, nghị quyết Đại hội; nghị quyết, quyết định của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ các quy chế của Hội trong hoạt động của các tổ chức, đơn vị trực thuộc Hội, hội viên;

c) Xem xét, giải quyết đơn, thư phản ánh, kiến nghị, khiếu nại, tố cáo của tổ chức, hội viên và công dân gửi đến Hội; thông báo đến các hội viên về kết quả kiểm tra và kiến nghị với Ban Chấp hành Hội các vấn đề cần được giải quyết.

3. Nguyên tắc hoạt động của Ban Kiểm tra: Ban Kiểm tra hoạt động theo quy chế do Ban Chấp hành ban hành, tuân thủ quy định của pháp luật và Điều lệ Hội.

Điều 17. Chủ tịch, Chủ tịch danh dự và Phó Chủ tịch Hội

1. Chủ tịch Hội là đại diện của Hội trước pháp luật, chịu trách nhiệm trước pháp luật về mọi hoạt động của Hội. Chủ tịch Hội do Ban Chấp hành bầu trong số các ủy viên Ban Thường vụ Hội. Tiêu chuẩn Chủ tịch Hội do Ban Chấp hành Hội quy định.

2. Nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch Hội:

a) Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo Quy chế hoạt động của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Hội;

b) Chịu trách nhiệm toàn diện trước cơ quan có thẩm quyền cho phép thành lập Hội, cơ quan quản lý nhà nước về lĩnh vực hoạt động chính của Hội, trước Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Hội về mọi hoạt động của Hội. Chỉ đạo, điều hành mọi hoạt động của Hội theo quy định Điều lệ Hội; nghị quyết Đại hội; nghị quyết, quyết định của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Hội;

c) Chủ trì các phiên họp của Ban Chấp hành; chỉ đạo chuẩn bị, triệu tập và chủ trì các cuộc họp của Ban Thường vụ;

d) Thay mặt Ban Chấp hành, Ban Thường vụ ký các văn bản của Hội, ký quyết định thành lập, giải thể các tổ chức thuộc Hội, ký quyết định bổ nhiệm, bãi miễn nhân sự trực thuộc Hội;

đ) Là chủ tài khoản, quản lý tài chính và tài sản của Hội;

e) Khi Chủ tịch Hội vắng mặt, việc chỉ đạo, điều hành giải quyết công việc của Hội được ủy quyền bằng văn bản cho một Phó Chủ tịch Hội.

3. Chủ tịch danh dự của Hội:

a) Chủ tịch danh dự Hội là công dân Việt Nam có uy tín, có ảnh hưởng lớn đến sự phát triển của Hội;

b) Nhân sự Chủ tịch danh dự do Ban Chấp hành Hội giới thiệu để Đại hội suy tôn;

c) Chủ tịch danh dự có quyền tham gia Đại hội, hội nghị Ban Chấp hành, tham dự các sự kiện quan trọng của Hội, góp ý về những vấn đề quan trọng của Hội khi có đề nghị của Ban Thường vụ, Ban Chấp hành Hội nhưng không tham

gia ứng cử, đề cử, biểu quyết các vấn đề của Hội, không tham gia quản lý, điều hành Hội.

4. Phó Chủ tịch Hội do Ban Chấp hành bầu trong số các ủy viên Ban Thường vụ Hội. Tiêu chuẩn Phó Chủ tịch Hội do Ban Chấp hành Hội quy định.

Phó Chủ tịch giúp Chủ tịch Hội chỉ đạo, điều hành công tác của Hội theo sự phân công của Chủ tịch Hội; chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Hội và trước pháp luật về lĩnh vực công việc được Chủ tịch Hội phân công hoặc ủy quyền. Phó Chủ tịch Hội thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo Quy chế hoạt động của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Hội phù hợp với Điều lệ Hội và quy định của pháp luật.

Điều 18. Giám đốc điều hành Dự án IPPF

1. Giám đốc điều hành Dự án IPPF do Ban Thường vụ Hội phối hợp với đại diện IPPF khu vực Đông, Đông Nam Châu Á và Châu Đại Dương tuyển chọn.

2. Giám đốc điều hành có các nhiệm vụ sau:

a) Đại diện cho Văn phòng Hội trong quan hệ giao dịch hàng ngày với Văn phòng Hiệp hội Kế hoạch hoá gia đình quốc tế;

b) Tổ chức, quản lý và điều hành các hoạt động hàng ngày của các dự án do IPPF tài trợ;

c) Quản lý hồ sơ, tài liệu giao dịch của Hội Kế hoạch hóa gia đình Việt Nam, xây dựng các quy chế hoạt động của các dự án do IPPF tài trợ, quy chế quản lý tài chính, tài sản của Hội trình Ban Chấp hành phê duyệt;

d) Định kỳ xây dựng dự thảo báo cáo chuẩn bị cho các cuộc họp Ban Thường vụ, Ban Chấp hành, báo cáo nhiệm kỳ trình Đại hội về các hoạt động của các dự án do IPPF tài trợ;

đ) Quản lý danh sách, hồ sơ và tài liệu về các hội viên và các tổ chức trực thuộc;

e) Chịu trách nhiệm trước Ban Thường vụ, Ban Chấp hành Hội và trước pháp luật về các hoạt động của các dự án do IPPF tài trợ;

g) Giám đốc điều hành phải nghiêm túc thực hiện các chức năng, nhiệm vụ đã được IPPF và Hội quy định;

h) Giám đốc điều hành được dự hội nghị Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Hội nhưng không được quyền biểu quyết.

Điều 19. Văn phòng Hội, các ban chuyên môn, chi hội (tổ chức cơ sở) và các tổ chức thuộc Hội

1. Văn phòng Hội gồm các phòng chuyên môn, Văn phòng Hội là cơ quan hành chính của Hội, hoạt động theo quy chế do Ban Chấp hành Hội phê duyệt.

2. Cơ cấu tổ chức của Văn phòng Hội do Ban Chấp hành Hội phê duyệt theo đề nghị của Ban Thường vụ Hội.

3. Cán bộ, nhân viên làm việc tại Văn phòng phải là những người có chuyên môn giỏi, có trách nhiệm cao, qua tuyển dụng, làm việc theo hợp đồng hàng năm đảm bảo quy định của pháp luật về lao động.

4. Kinh phí hoạt động hàng năm của Văn phòng Hội được bố trí trong kế hoạch ngân sách hàng năm của Hội.

5. Chánh Văn phòng Hội quản lý điều hành mọi hoạt động của Văn phòng Hội dưới sự chỉ đạo trực tiếp của Chủ tịch Hội.

6. Các ban chuyên môn và các tổ chức thuộc Hội được thành lập và hoạt động theo quy chế do Ban Chấp hành phê duyệt và theo quy định của pháp luật.

7. Chi hội (tổ chức cơ sở) là tổ chức không có tư cách pháp nhân, con dấu và tài khoản riêng. Chi hội trưởng, Phó Chi hội trưởng do Ban Thường vụ chỉ định hoặc bổ nhiệm. Chi hội tổ chức sinh hoạt định kỳ 06 tháng một lần. Chi hội chịu sự chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra của Hội.

Chương V **CHIA, TÁCH; SÁP NHẬP;** **HỢP NHẤT; ĐỔI TÊN VÀ GIẢI THỂ**

Điều 20. Chia, tách; sáp nhập; hợp nhất; đổi tên và giải thể Hội

Việc chia, tách; sáp nhập; hợp nhất; đổi tên và giải thể Hội thực hiện theo quy định của Bộ luật Dân sự, quy định của pháp luật về hội, Nghị quyết Đại hội và các quy định pháp luật có liên quan.

Chương VI **TÀI CHÍNH VÀ TÀI SẢN**

Điều 21. Tài chính, tài sản của Hội

1. Tài chính của Hội:

a) Nguồn thu của Hội:

- Lệ phí gia nhập Hội, hội phí hàng năm của hội viên;
- Thu từ các hoạt động của Hội theo quy định của pháp luật;
- Tiền tài trợ, ủng hộ của tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật;
- Hỗ trợ của Nhà nước gắn với nhiệm vụ được giao (nếu có);
- Các khoản thu hợp pháp khác.

b) Các khoản chi của Hội:

- Chi cho hoạt động của Văn phòng, Ban Chấp hành, Ban Kiểm tra, hội nghị, Đại hội, thuê trụ sở, mua sắm trang thiết bị;

- Chi các hoạt động thông tin, tuyên truyền, báo chí, xuất bản;
- Chi xây dựng, trang bị, sửa chữa cơ sở vật chất, thiết bị làm việc;
- Chi thực hiện chế độ, chính sách đối với những người làm việc tại Hội theo quy định của Ban Chấp hành Hội phù hợp với quy định của pháp luật;
- Chi hoạt động quan hệ quốc tế;
- Các khoản chi hợp pháp khác.

2. Tài sản của Hội: Tài sản của Hội bao gồm trụ sở, trang thiết bị, phương tiện phục vụ hoạt động của Hội. Tài sản của Hội được hình thành từ nguồn kinh phí của Hội; do các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước hiến, tặng theo quy định của pháp luật; được Nhà nước hỗ trợ (nếu có).

Điều 22. Quản lý, sử dụng tài chính, tài sản của Hội

1. Tài chính, tài sản của Hội chỉ được sử dụng cho các hoạt động của Hội.
2. Tài chính, tài sản của Hội khi chia, tách; sáp nhập; hợp nhất và giải thể được giải quyết theo quy định của pháp luật.
3. Ban Chấp hành Hội ban hành Quy định quản lý tài chính, tài sản của Hội đảm bảo nguyên tắc công khai, minh bạch, tiết kiệm, hiệu quả phù hợp với quy định của pháp luật và tôn chỉ, mục đích hoạt động của Hội.

Chương VII KHEN THƯỞNG, KỶ LUẬT

Điều 23. Khen thưởng

1. Tổ chức, đơn vị thuộc Hội, hội viên có thành tích xuất sắc được Hội khen thưởng hoặc được Hội đề nghị cơ quan, tổ chức có thẩm quyền khen thưởng theo quy định của pháp luật.
2. Ban Chấp hành Hội quy định cụ thể hình thức, thẩm quyền, thủ tục khen thưởng trong nội bộ Hội theo quy định của pháp luật và Điều lệ Hội.

Điều 24. Kỷ luật

1. Tổ chức, đơn vị thuộc Hội, hội viên vi phạm pháp luật; vi phạm Điều lệ, quy định, quy chế hoạt động của Hội thì bị xem xét, thi hành kỷ luật bằng các hình thức: khiển trách, cảnh cáo, khai trừ ra khỏi Hội.
2. Ban Chấp hành Hội quy định cụ thể hình thức, thẩm quyền, quy trình xem xét kỷ luật trong nội bộ Hội theo quy định của pháp luật và Điều lệ Hội.

Chương VIII ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 25. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ

Chỉ có Đại hội nhiệm kỳ của Hội mới có quyền sửa đổi, bổ sung Điều lệ này. Việc sửa đổi bổ sung Điều lệ Hội phải được ít nhất 2/3 (hai phần ba) số đại biểu chính thức tham gia Đại hội biểu quyết tán thành.

Điều 26. Hiệu lực thi hành

1. Điều lệ (sửa đổi, bổ sung) Hội Kế hoạch hoá gia đình Việt Nam gồm có 08 Chương 26 Điều, đã được Đại hội đại biểu Hội Kế hoạch hoá gia đình Việt Nam lần thứ VI (nhiệm kỳ 2020 - 2025) thông qua ngày 07 tháng 7 năm 2020 tại thành phố Hà Nội và có hiệu lực thi hành theo quyết định phê duyệt của Bộ trưởng Bộ Nội vụ. Điều lệ (sửa đổi, bổ sung) này thay thế Điều lệ Hội Kế hoạch hóa gia đình Việt Nam đã được Bộ trưởng Bộ Nội vụ phê duyệt tại Quyết định số 1091/QĐ-BNV ngày 21 tháng 9 năm 2010 về việc phê duyệt Điều lệ (sửa đổi, bổ sung) Hội Kế hoạch hoá gia đình Việt Nam.

2. Căn cứ các quy định pháp luật về hội và Điều lệ (sửa đổi, bổ sung) của Hội, Ban Chấp hành Hội Kế hoạch hoá gia đình Việt Nam có trách nhiệm hướng dẫn và tổ chức thực hiện bản Điều lệ (sửa đổi, bổ sung) này./.